

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS - ST

Ngày: 15/5/2024

SNHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huệ, đơn vị công tác: Tỉnh đoàn Bắc Kạn;

Ông Nguyễn Công Thái, cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Mai Duy Định, Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2024/TLST-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 18/3/2024 đối với các bị cáo:

1. **Vi Văn S** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/02/1999 tại tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKKHKT: **Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng**; nơi tạm trú: **Tổ A, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; chỗ ở: **Tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông **Vi Hải T** và bà **Nông Thị K**; vợ **Hoàng Thị Hải Y** và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 11/5/2022 **Công an huyện B**, tỉnh Bắc Kạn xử phạt tiền 3.500.000 đồng, về hành vi sử dụng nhân viên không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện, đã chấp hành xong. Nhân thân: Ngày 23/9/2016, **Công an thành phố C**, tỉnh Cao Bằng xử phạt Cảnh cáo, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong; ngày 08/6/2020, **Công an thành phố B**, tỉnh Bắc Kạn xử phạt tiền 5.500.000 đồng, về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác và sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái với quy định của pháp luật nhưng chưa gây ra hậu quả, đã chấp hành xong; ngày 07/10/2021 **Công an thành phố B**, tỉnh Bắc Kạn xử phạt tiền 2.500.000 đồng, về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2023 đến ngày 23/10/2023 thì thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/5/1992 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Khu C, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; con ông Phan Mạnh S1 và bà Lường Thị Đ (đã chết); vợ là Vy Thị L (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2023 đến nay tại Trai giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn Q (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/4/1992 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Khu C, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Lê Văn L1 và bà Ngô Thị V; vợ là Ngô Thị T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 10/3/2023 đến nay tại Trai giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/7/2002 tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn L2 và bà Lưu Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến nay tại Trai giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

5. Lục Văn T2 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/11/1997 tại tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tiểu khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kan; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lục Văn L3 và bà Nông Thị N1 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 đến ngày 27/10/2023 thì thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn S: Ông Hà Trọng Đ1 và ông Trần Ngọc C, Luật sư Công ty L11 và cộng sự, địa chỉ: Tầng B, tòa nhà B, ngõ E đường T, phường D, quận C, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T2: Ông Hoàng Đình T3, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Cháu Lò Thi Ánh P, sinh ngày 26/02/2010. Người đại diện: Bà Khoàng Thi T4, sinh năm 1991 là mẹ đẻ cháu P và ông Lò Văn L4, sinh năm 1986 là bố

đẻ cháu P. Đều cùng địa chỉ: Bản N, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

2. Cháu Bùi Thị Cẩm A, sinh ngày 24/7/2009. Người đại diện: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1966 là mẹ nuôi cháu A. Đều cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bị hại vắng mặt, người đại diện có mặt tại phiên tòa.

3. Cháu Văn Thị D1, sinh ngày 06/11/2008. Người đại diện: Ông Văn A C1, sinh năm 1985 là bố đẻ cháu D1). Đều cùng địa chỉ: Bản S, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Lò Thị Ánh P và Bùi Thị Cẩm A: Bà Hoàng Thị Thu H1, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Lò Thị Ánh P, Bùi Thị Cẩm A và Văn Thị D1: Ông Ta Ngọc V1, Luật sư Văn phòng L12 và cộng sự, địa chỉ: Số H Hồ N, quận H, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Văn Thị D1: Bà Nguyễn Phương B, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Văn Q1, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt tại phiên tòa;

2. Hoàng Anh T5, sinh năm 1989, trú tại: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Nguyễn Văn C2, sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Trần Khắc T6, sinh năm 1998, trú tại: Tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Đinh Quốc H2, sinh năm 1985, trú tại: Thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Triều Thị H3, sinh năm 1987, trú tại: Khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Nguyễn Văn H, sinh năm 1979, trú tại: Tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Nông Thị K, sinh năm 1976, trú tại: Tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

9. Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1999, trú tại: Tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan. Vắng mặt tại phiên tòa;

10. [Ngô Thị T7](#), sinh năm 1986, trú tại: [Tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

11. Nguyễn [Tiến L5](#), sinh năm 1987, trú tại: [Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

12. [Phạm Thị P1](#), sinh năm 1980, trú tại: [Xóm P, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

13. [Cao Thị A1](#), sinh năm 1990, trú tại: [Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

14. [Hoàng Văn Đ2](#), sinh năm 1995, trú tại: [Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

15. [Lê Văn H4](#), sinh năm 1995, trú tại: [Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn](#). Có mặt tại phiên tòa;

16. [Lục Văn T8](#), trú tại: [Bản H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

17. [Nguyễn Thị Vân A2](#), sinh năm 1996, trú tại: [Khu C, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

18. [Nguyễn Quang H5](#), trú tại: [Xóm C, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 07/3/2023, [Công an tỉnh B](#) tiếp nhận tin báo của bà [Khoàng Thị T4](#), về việc con gái bà là cháu [Lò Thị Ánh P](#), sinh ngày 26/02/2010 đang bị giữ và cưỡng bức lao động tại [thành phố B](#). Sau khi tiếp nhận thông tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh đã tiến hành xác minh, xác định vị trí cháu [P](#) đang ở tại [quán C8](#) karaoke 1999, địa chỉ: [thôn N, xã N, thành phố B](#). Cơ quan CSĐT đã phối hợp với các cơ quan chức năng, tiến hành kiểm tra đối với cơ sở kinh doanh trên. Kết quả: Vi Văn Sắc, là chủ cơ sở xác định có nhân viên tên [Lò Thị Ánh P](#), sinh năm 2005, trú tại tỉnh Lai Châu đang làm việc tại [C](#) karaoke 1999. Ngày 10/3/2023, Cơ quan CSĐT đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với [C3](#) karaoke 1999; [quán K2 tại tổ C, phường P, thành phố B](#) và [quán C8 tại tiểu khu B, thị trấn C, huyện B](#) đều là các cơ sở kinh doanh karaoke do Sắc quản lý. Kết quả khám xét đã phát hiện tại các cơ sở trên một số đồ vật, tài liệu, tài sản có liên quan và 23 nhân viên nữ, Cơ quan CSĐT đã làm việc với 23 nhân viên nữ để làm rõ các nội dung có liên quan.

Kết quả điều tra đã làm rõ: Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 28/02/2023, cháu [Lò Thị Ánh P](#) là nhân viên phục vụ quán karaoke tại [thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc](#)

Giang do Phan Văn N và Lê Văn Q quản lý. Đến ngày 28/02/2023 thì P không muốn tiếp tục làm nữa nên đã nói với N, N nhờ Q tìm cho P một công việc khác và được Q đồng ý. Sau đó Q lên mạng xã hội facebook vào nhóm “*Tuyển nhân viên karaoke*” thì thấy Vi Văn S có đăng bài tuyển nhân viên. Q lấy số điện thoại trên bài đăng và gọi điện thoại trao đổi với S, S đồng ý tiếp nhận P để làm nhân viên, thời điểm này thì S cùng Hoàng Anh T5 là nhân viên quản lý quán C8 karaoke 1999 cho S, đang trên đường đi vào tỉnh Thanh Hóa bằng xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLC300 màu trắng, biển kiểm soát 30H-890.92. Trong buổi chiều ngày 28/02/2023, trên đường đi từ tỉnh Thanh Hóa về, S gọi điện thoại video qua ứng dụng Zalo vào máy của Q và bảo cho gặp P và hỏi P có đồng ý làm nhân viên cho S không? thì P đồng ý. Sau đó, S bảo Q gửi vị trí qua Z, để S đến đón P. Đến tối ngày 28/02/2023, S và T5 đến quán của N tại thị trấn K. Tại đây, S hỏi P về tên, tuổi, địa chỉ. Khi P trả lời họ tên mình và nói là sinh ngày 26/02/2010 thì S nói với P là sẽ quay video clip về việc S hỏi và đưa tiền cho P, thì P phải nói là sinh ngày 26/02/2005 và được P đồng ý. Sau đó, S hỏi P về các nội dung tên, tuổi, địa chỉ, có muốn làm nhân viên của S không, số tiền lương muốn ứng trước. Sau khi nghe, thì P đồng ý làm nhân viên cho S và tạm ứng trước số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng). Säck đếm 25.000.000 đồng gồm hai loại tiền mệnh giá 500.000 đồng và 100.000 đồng đưa cho P. Toàn bộ nội dung P trả lời các câu hỏi và nhận tiền của S, thì T5 sử dụng điện thoại di động quay video clip. Sau khi T5 dừng quay, S bảo P đếm lại tiền rồi P đưa toàn bộ số tiền đã nhận cho N, có sự chứng kiến của S. Sau khi trao đổi xong, thì P về phòng lấy đồ dùng cá nhân và cùng T5, S đi về thành phố B. Khi về đến quán C8 1999 thì Nguyễn Văn C2, là nhân viên quán Club karaoke 1999 của S đọc cho P viết các loại “Giấy vay tiền”, nội dung thể hiện việc P nợ S số tiền 25.000.000 đồng; “Đơn xin việc” và “Hợp đồng lao động”, nội dung thể hiện P xin đến làm việc tại chỗ của S, hết 06 tháng mới được về nhà, nếu phá vỡ hợp đồng thì phải bồi thường số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 07/3/2023, P được phân công chọn bài hát, rót bia và hát cùng khách ở phòng hát.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã làm rõ trường hợp cháu Bùi Thi Cẩm A, sinh ngày 24/7/2009, cũng được chuyển giao, tiếp nhận để làm nhân viên phục vụ phòng hát của Vi Văn S, cụ thể: Khoảng cuối tháng 02/2023, Nguyễn Văn H thông qua 01 người đàn ông tên L6 nhà ở huyện Đ, hiện không xác định được chính xác nhân thân lý lịch, biết thông tin về cháu Cẩm A đang có nhu cầu tìm việc làm. Sau đó, H đã trao đổi nhắn tin, nói chuyện qua điện thoại di động và thống nhất với Cẩm A để đón về làm nhân viên cho mình tại tổ E, phường Q, thành phố T. Trong quá trình làm, Cẩm A lại muốn chuyển chỗ làm nên đã nói với C4, là người yêu qua mạng xã hội của Cẩm A, C4 rủ Cẩm A về Bắc Kạn làm nhân viên với C4 vì C4 cũng đang làm cho S. Sau đó, Cẩm A và S có trao đổi điện thoại với nhau, S đồng ý nhận xuống đón Cẩm A, đồng thời S hỏi Cẩm A lấy số điện thoại của H để Säck liên hệ. Đến ngày 02/3/2023, S cùng Hoàng Anh T5, là nhân viên của S đi xe ô tô bán tải, nhãn hiệu FORD, màu trắng, BKS 20C-

180.40 đến gặp H để đón Cầm A. Tại nhà thuê của H ở tổ E, phường Q, thành phố T, H và Cầm A thống nhất Cầm A nợ H số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Sau đó, S đã đưa cho Cầm A số tiền 8.000.000 đồng và S đi ra ngoài trước, còn Cầm A khi nhận tiền đếm đủ 8.000.000 đồng thì đưa cho H. Sau đó, Cầm A cùng S lên xe ô tô để về Bắc Kạn. H thừa nhận trong số tiền 8.000.000 đồng Cầm A đưa có 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) là tiền công môi giới H trả cho một người đàn ông tên L6 đã giới thiệu Cầm A cho H, số tiền 7.200.000đ (bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) là tiền Cầm A ứng trước mua quần áo, mỹ phẩm, tiền taxi, tiền ăn uống.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ trong năm 2022 và 2023, Lục Văn T2, là anh họ của Vi Văn S và được S thuê làm quản lý quán C8 tại tiểu khu B, thị trấn C, huyện B. Trong thời gian làm tại quán karaoke Ba Bể C5, T2 đã có quan hệ tình cảm với cháu Vân Thị D1, sinh ngày 06/11/2008, là nhân viên nữ phục vụ tại quán C8. Khoảng 02 giờ sáng một ngày giữa tháng 10/2022, không nhớ thời gian cụ thể, sau khi uống rượu, bia và hết giờ làm, D1 đã chủ động đến phòng ngủ của T2 ở trong quán. Tại đây, D1 và T2 đã quan hệ tình dục lần đầu với nhau, có dùng bao cao su. Sau đó, D1 và T2 đã quan hệ với nhau khoảng 20 (hai mươi) lần nữa, lần cuối D1 và T2 đã quan hệ là vào ngày 08/3/2023, địa điểm đều tại phòng ở của T2. Tại thời điểm lần đầu tiên quan hệ tình dục giữa T2 với D1 vào tháng 10/2022 thì D1 mới được 13 tuổi 11 tháng 00 ngày.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 29/KLTDTE-TTPY&GDYK, ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm giám định pháp y và giám định y khoa tỉnh B đối với Vân Thị D1 kết luận:

“Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vân Thị D1 tại thời điểm giám định là 0% (không phần trăm. Bộ phận sinh dục: Màng trinh: Hình vành khăn, lõ ở trung tâm; có vết rách cũ sát gốc màng trinh vị trí 3 giờ, 6 giờ, 7 giờ, 8 giờ. Không có vết rách mới. Các bộ phận khác không có tổn thương. Đang chu kỳ kinh nguyệt ngày thứ 3 (ba), máu kinh màu đỏ thẫm, số lượng ít, không có máu cục”.

Cơ quan CSĐT đã trưng cầu giám định phục hồi dữ liệu điện tử đối với các điện thoại tạm giữ của Vi Văn S, Hoàng Anh T5, Nguyễn Văn C2, Lục Văn T2, Lê Văn Q, Phan Văn N, Lò Thị Ánh P, Bùi Thị Cẩm A và Nguyễn Văn H. Tại Bản kết luận giám định số: 1996/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận:

“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu đối với các mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích dữ liệu theo yêu cầu giám định kết quả thu được: Mẫu A1 (điện thoại di động của Vi Văn S): 339 tin nhắn SMS, 395 tin nhắn trò chuyện; 7913 tệp tin hình ảnh và 40 tệp tin video. Mẫu A2 (điện thoại di động của Hoàng Anh T5): Không trích xuất được dữ liệu do điện thoại không lên nguồn, không kết nối được với các thiết bị. Mẫu A3 (điện thoại di động của Nguyễn Văn C2): 659 tin nhắn SMS, 2939 tin nhắn trò chuyện; 8430 tệp tin nhắn ảnh và 310 tệp tin video.

Mẫu A4 (điện thoại di động của [Lục Văn T2](#)): 682 tin nhắn SMS, 1675 tin nhắn trò chuyện; 32147 tệp tin hình ảnh và 659 tệp tin video. Mẫu A5 (điện thoại di động của [Lục Văn T2](#)): 16 tin nhắn SMS, 73668 tệp tin hình ảnh và 1645 tệp tin video. Mẫu A6 (điện thoại di động của [Lê Văn Q](#)): 647 tin nhắn SMS, 9628 tệp tin hình ảnh và 205 tệp tin video. Mẫu A7 (điện thoại di động của [Phan Văn N](#)): 240 tin nhắn SMS, 8377 tệp tin hình ảnh và 145 tệp tin video. Mẫu A8 (điện thoại di động của [Lò Thị Ánh P](#)): 38 tin nhắn SMS, 188 tệp tin hình ảnh và 112 tệp tin video. Mẫu A9 (điện thoại di động của [Bùi Thị Cẩm A](#)): 41 tin nhắn SMS, 12932 tệp tin hình ảnh và 394 tệp tin video. Mẫu A10 (điện thoại di động của [Nguyễn Văn H](#)): 382 tin nhắn SMS, 779 tin nhắn trò chuyện; 6096 tệp tin nhắn ảnh và 15 tệp tin video. Toàn bộ dữ liệu được nén trong tệp nén có tên “Du lieu KLGD 1996.rar” và sao lưu vào USB gửi kèm kết luận giám định”.

Cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong kiểm tra dữ liệu được sao lưu trong USB kèm theo Bản kết luận giám định của [Phòng K3 Công an tỉnh V](#) với chủ điện thoại, kết quả: kiểm tra mẫu A1 (điện thoại di động của [Vi Văn S](#)) phát hiện 01 tin nhắn trò chuyện giữa [Vi Văn S](#) và [Bùi Thị Cẩm A](#) ngày 02/3/2023 trước khi [S](#) đến tiếp nhận [C](#). Các mẫu khác không phát hiện dữ liệu liên quan đến vụ án cũng như hành vi vi phạm pháp luật khác.

Quá trình điều tra, các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#), [Nguyễn Văn H](#) và [Lục Văn T2](#) đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 45/CT-VKSBK-P1 ngày 30/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#), [Nguyễn Văn H](#) về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS).

Điều 151 BLHS có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

...
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Bị cáo [Lục Văn T2](#) bị truy tố về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS.

Điều 145 BLHS có nội dung:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường

hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Xử phạt bị cáo [Vi Văn S](#) từ 04 đến 05 năm tù, cấm hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) từ 03 đến 05 năm; xử phạt bị cáo [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) và [Nguyễn Văn H](#) mỗi bị cáo từ 05 đến 06 năm tù, cấm hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) từ 03 đến 05 năm; xử phạt bị cáo [Luc Văn T2](#) từ 18 đến 24 tháng tù. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000đ của bị cáo [Phan Văn N](#) do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Về vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án các quyền vở, sổ, tài liệu; tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội; tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng; trả lại cho các bị cáo vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội; tạm giữ các khoản tiền đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo [Vi Văn S](#) vắng mặt, nhưng có gửi Bản luận cứ. Nội dung Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo [S](#); nội dung bào chữa cho bị cáo [Luc Văn T2](#); nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại trình bày tại phiên tòa đều nhất trí với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX quyết định mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của

những người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định: Ngày 28/02/2023, tại quán café “Trà My” tại [khu C, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang](#), [Phan Văn N](#) và [Lê Văn Q](#) đã trực tiếp thực hiện hành vi trao đổi, thỏa thuận, thống nhất với [Vi Văn S](#) để chuyển giao cho [S](#) tiếp nhận cháu [Lò Thị Ánh P](#), sinh ngày 26/02/2010, trú tại bản Nậm Hải, [xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu](#) về làm nhân viên quán Karaoke cho [S](#) và được [S](#) trả số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng). Tại thời điểm chuyển giao, cháu [P](#) được 13 tuổi 00 tháng 02 ngày.

Ngày 02/3/2023, tại [tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#), [Nguyễn Văn H](#) đã thực hiện chuyển giao cháu [Bùi Thị Cẩm A](#) sinh ngày 24/7/2009, thường trú tại [Đ, thôn Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#) cho [Vi Văn S](#) để nhận số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) từ cháu [Bùi Thị Cẩm A](#). Trong đó, có 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) là tiền công môi giới [H](#) trả cho người đàn ông tên [L6](#) đã giới thiệu [Cẩm A](#) cho [H](#), còn lại là tiền phần, son đồ dùng cá nhân [Cẩm A](#) đã ứng trước. Tại thời điểm chuyển giao, cháu [Bùi Thị Cẩm A](#) được 13 tuổi 07 tháng 06 ngày.

Trong thời gian từ giữa tháng 10/2022 đến ngày 08/3/2023, tại [tiểu khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#) [Lục Văn T2](#) đã nhiều lần (khoảng 20 lần) thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu [Vân Thị D1](#), sinh ngày 06/11/2008, thường trú tại bản Seo Phìn, [xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu](#). Tại thời điểm lần đầu tiên quan hệ tình dục với [T2](#) vào tháng 10/2022 thì cháu [D1](#) mới được 13 tuổi 11 tháng 00 ngày.

Hành vi của các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#), [Nguyễn Văn H](#) phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 151 BLHS. Hành vi của bị cáo [Lục Văn T2](#) phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm thân thể của người dưới 16 tuổi, xâm phạm sự phát triển bình thường về thể chất, sinh lý và tinh thần của trẻ em, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo [Vi Văn S](#) có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi vụ án xảy ra, khi đang bị tạm giam bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại [Lò Thị Ánh P](#) số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Ngoài ra, theo văn bản số: 18/PC04, ngày 12/01/2024 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy [Công an tỉnh B](#), bị cáo [Vi Văn S](#) đã cung cấp thông tin quan trọng cho cơ quan Công an phát hiện, triệt phá được 01 vụ án hình sự về tội phạm ma túy. Bị cáo có bố đẻ là ông [Vi Hải T](#) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương vì an ninh tổ quốc. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Phan Văn N](#) và bị cáo [Lê Văn Q](#) đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi vụ án xảy ra, khi đang bị tạm giam các bị cáo đã tác động gia đình gặp trực tiếp gia đình bị hại để thỏa thuận, bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cho bị hại. Qua đó, mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại [Lò Thị Ánh P](#) số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và bị hại [P](#) đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho [N](#) và [Q](#). Ngoài ra, bị cáo [Q](#) còn có ông nội là [Lê Văn H6](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Nguyễn Văn H](#) có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa ngày 23/02/2024, bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận và bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại [Bùi Thị Cẩm A](#) thông qua người đại diện của bị hại là bà [Bùi Thị M](#) số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Ngoài ra, bị cáo có bà nội là [Nguyễn Thị T9](#) được [Ủy ban nhân dân tỉnh T](#) tặng bằng khen vì có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo [Lục Văn T2](#) có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi vụ án xảy ra, khi đang bị tạm giam bị cáo đã tác động gia đình gặp trực tiếp gia đình bị hại thỏa thuận, bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cho bị hại [Vân Thị D1](#) số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Đại diện bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [T2](#). Ngoài ra, theo văn bản số: 18/PC04, ngày 12/01/2024 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy [Công an tỉnh B](#), bị cáo [T2](#) đã cung cấp thông tin quan trọng cho cơ quan Công an phát hiện, triệt phá được 01 vụ án hình sự về ma túy. Bị cáo có ông nội là [Lục Văn L7](#) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình, HĐXX xét thấy trong vụ án có bị cáo [Phan Văn N](#) và [Lê Văn Q](#) phạm tội có tính chất đồng phạm, các bị cáo khác phạm tội độc lập. Xét toàn diện vụ án, thấy rằng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo còn được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) đều có con nhỏ, đặc biệt bị cáo [N](#) đã ly hôn vợ, con sống cùng với bị cáo sau khi ly hôn, mẹ bị cáo đã chết, trong thời gian bị cáo bị tạm giam con của bị cáo do bố của bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng. Các bị cáo [Luc Văn T2](#), [Nguyễn Văn H](#) tuổi đời còn trẻ, lần đầu phạm tội, các bị cáo đã ăn năn hối cải và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để các bị cáo thấy được tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước mà cố gắng cải tạo mình thành người công dân có ích cho xã hội, sớm được trở về với gia đình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) và [Nguyễn Văn H](#) phạm tội liên quan đến lĩnh vực kinh doanh có điều kiện. Do đó, cần cấm các bị cáo hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) trong thời gian nhất định. Đối với bị cáo [Luc Văn T2](#) là lao động tự do, không kinh doanh dịch vụ có điều kiện. Do vậy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 145 BLHS.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Ông [Lò Văn L4](#) và bà [Khoàng Thị T4](#) là người đại diện hợp pháp của bị hại [Lò Thị Anh P](#) có yêu cầu các bị cáo [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) và [Vi Văn S](#) bồi thường tổn thất về tinh thần cháu [P](#) tổng số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Quá trình điều tra [N](#), [Q](#) và [S](#) nhất trí bồi thường theo yêu cầu, mỗi bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng. [N](#) và [Q](#) đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại khoản tiền trên. Đối với bị cáo [S](#), do không gặp được bị hại, nên chị [Hoàng Thị Hải Y](#) là vợ của bị cáo [S](#) đã nộp số tiền 7.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại [Lò Thị Anh P](#). Nội dung thỏa thuận trên, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, được chấp nhận. Do bị hại chưa nhận được khoản tiền bồi thường của bị cáo [S](#), nên cần buộc bị cáo phải bồi thường theo thỏa thuận trên.

Bà [Bùi Thị M](#) là người đại diện hợp pháp của bị hại [Bùi Thị Cẩm A](#) có yêu cầu bị cáo [Nguyễn Văn H](#) bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu [A](#) theo quy định pháp luật. Ngày 13/02/2024, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho cháu

[Cẩm A](#) số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tại phiên tòa, bà [M](#) xác nhận đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Ông [Vân A C1](#) là người đại diện hợp pháp của bị hại [Vân Thị D1](#) có yêu cầu bị cáo [Luc Văn T2](#) bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu [D1](#) là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo [T2](#) đã tác động gia đình bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị hại và người đại diện bị hại không yêu cầu phải bồi thường thêm. Do đó, HĐXX không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000 đồng của bị cáo [Phan Văn N](#), do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nhưng Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

[9] Về vật chứng: Các vật chứng là quyền vớ, sổ, tài liệu cần chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

Các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của [Lê Văn Q](#); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone của [Phan Văn N](#); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của [Nguyễn Văn H](#); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro max màu vàng của [Vi Văn S](#).

Các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, cụ thể: 01 bộ gồm 02 con dao chuôi màu đen bằng kim loại; 01 hộp giấy màu hồng bên trong có 61 túi nilon nhỏ nghi là bao cao su thu giữ của [Phan Văn N](#).

Trả lại cho các bị cáo và người liên quan các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, cụ thể: 01 căn cước công dân mang tên [Luc Văn T2](#), 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro max và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo và của [Luc Văn T2](#); 01 thẻ [ngân hàng A3](#) mang tên VI VAN SAC, 01 thẻ [ngân hàng V2](#) mang tên VI VAN SAC, 01 thẻ visa [ngân hàng L13](#) mang tên “Vi Van Sac”, 01 thẻ đen [ngân hàng L13](#) mang tên “[Vi Văn S2](#)”, 01 ổ lưu trữ của [C6](#) kèm theo màn hình, 01 case máy tính màu đen và một màn hình máy tính màu đen của [Vi Văn S](#); 01 căn cước công dân mang tên [Lê Văn Q](#), giấy phép lái xe mang tên [Lê Văn Q](#), 01 thẻ [ngân hàng A3](#) mang tên LE VAN QUYEN, 01 thẻ [ngân hàng M3](#) mang tên LE VAN QUYEN; 01 căn cước công dân mang tên [Nguyễn Văn H](#) của bị cáo [Nguyễn Văn H](#); 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro max màu xanh của [Hoàng Văn Đ2](#); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xanh của [Cao Thị A1](#).

Đối với số tiền 23.600.000 đồng, trong đó: Số tiền 3.100.000 đồng thu giữ của bị cáo [Luc Văn T2](#); số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của chị [Cao Thị A1](#), xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo [T2](#) và chị [A1](#). Số tiền 8.000.000 đồng thu giữ khi khám xét quán hát nơi làm việc của bị cáo [Nguyễn Văn H](#), là tiền bị cáo [H](#) nhận được từ việc chuyển giao [Bùi Thị Cẩm A](#). Do đó, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền 11.000.000 đồng do chị

[Nguyễn Thị Vân A2](#) tự nguyện giao nộp, là một phần tiền bị cáo [Phan Văn N](#) nhận được từ việc chuyển giao [Lò Thị Ánh P](#). Do đó, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Số tiền 7.000.000đ do chị [Hoàng Thị Hải Y](#) nộp thay cho [Vi Văn S](#) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại [Lò Thị Ánh P](#), cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo [S](#).

[10] Về các nội dung khác trong vụ án:

10.1 Đối với hành vi của [Vi Văn S](#) tiếp nhận cháu [Bùi Thị Cẩm A](#) với [Nguyễn Văn H](#) trong ngày 02/3/2023. Qua điều tra xác định: Dù [Sắc](#) là người trực tiếp nhận [Cẩm A](#) từ [H](#), tuy nhiên trước khi thực hiện hành vi chuyển giao, tiếp nhận người thì chính [Cẩm A](#) là người đã chủ động liên hệ với [S](#) để xin làm việc cho [S](#) và được [S](#) đồng ý giúp [Cẩm A](#) trả nợ. Khi gặp [Cẩm A](#) thì [S](#) đưa tiền cho [Cẩm A](#) để trả nợ cho [H](#) theo đề nghị xin tạm ứng tiền của [Cẩm A](#) chứ không làm việc, trao đổi với [H](#). Ngoài ra, [S](#) không biết số tiền 8.000.000 đồng mà [Cẩm A](#) nợ [H](#) là tiền gì. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc trao đổi, mua bán người giữa [Sắc](#) với [H](#). Giai đoạn xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra về nội dung trên, với dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, nhưng không được chấp nhận. Do đó, HĐXX không xem xét về hành vi trên là đúng quy định.

10.2 Đối với hành vi của [Hoàng Anh T5](#), sinh năm 1989, trú tại [thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn](#); [Nguyễn Văn C2](#), sinh năm 1999, trú tại [thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn](#); [Trần Khắc T6](#), sinh năm 1998, trú tại [tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) liên quan trong việc thực hiện phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” của [Vi Văn S](#). Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã làm rõ mặc dù [T5](#), [C2](#), [T6](#) là nhân viên của [S](#), được [S](#) giao thực hiện nhiệm vụ cùng [S](#) đi tiếp nhận người, quản lý, điều hành hoạt động của nhân viên nữ tại [quán C8](#) karaoke 1999 nhưng [T5](#), [C2](#) và [T6](#) không được bàn bạc, không được trực tiếp trao đổi khi tiếp nhận cháu [Lò Thị Ánh P](#) mà chỉ thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của [S](#). Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

10.3 Quá trình điều tra vụ án, có 12 nhân viên nữ có đơn tố cáo về hành vi của quản lý và nhân viên tại [quán C8](#) karaoke 1999 gồm: [Hoàng Anh T5](#), [Nguyễn Văn C2](#) và [Trần Khắc T6](#) có dấu hiệu của tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Điều 157 BLHS, cụ thể: Nghiêm cấm nhân viên không được tự do đi lại, hạn chế việc sử dụng điện thoại di động, không được mua đồ dùng cá nhân bên ngoài. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ và xác định trong quá trình sinh hoạt tại [quán C8](#) karaoke 1999 thì các nhân viên nữ vẫn được tự do đi lại trong khuôn khổ của quán, vẫn được sử dụng điện thoại di động, chỉ bị hạn chế và thường xuyên bị kiểm tra. Khi có nhu cầu của các quán hát khác trên địa bàn thành phố thì các nhân viên nữ trên vẫn được các đối tượng đưa đến các quán khác của [Vi Văn S](#) để phục vụ khách; vẫn được đi làm đẹp ở các quán bên ngoài.

Do đó, hành vi của T5, C2 và T6 thực hiện chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Điều 157 BLHS là có căn cứ.

10.4 Đối với Vi Văn S là người thuê Lục Văn T2 làm quản lý tại quán Ba Bể C5 và Hoàng Văn T10, sinh năm 1988, trú tại tiểu khu I, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kan là người cùng làm việc với Lục Văn T2 tại quán C8. Quá trình điều tra xác định, S và T10 không biết T2 và D1 có hành vi quan hệ tình dục khi D1 chưa đủ 16 tuổi. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với S và T10 về nội dung liên quan hành vi phạm tội của T2 là đúng.

10.5 Trong quá trình điều tra vụ án, bị hại Lò Thị Ánh P trình bày: Từ sau Tết âm lịch năm 2023, thông qua tài khoản mạng xã hội facebook (tên tài khoản là “Phương G”), P đã làm quen với một người thanh niên tên là N2 nhưng P không biết rõ họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ của N2 ở đâu, N2 sử dụng tài khoản facebook có tên tài khoản là “*Nam’m Phu’u H7’ô*”. Trong quá trình nhắn tin nói chuyện thì N2 hỏi P có đi làm ở tỉnh Vĩnh Phúc không thì P hỏi N2 là làm công việc gì nhưng N2 không nói. Sau đó, N2 lại nhắn tin nói là xuống Vĩnh Phúc làm quán ăn, nên P đồng ý đi làm với N2. Khoảng hai ngày sau, theo hướng dẫn của N2 thì P đi xe ô tô khách tỉnh Lai Châu đến tỉnh Vĩnh Phúc, khi đến địa điểm đã hẹn thì N2 trả tiền xe cho P, khi lên xe thì P hỏi xin số tài khoản của lái xe rồi nhắn tin cho N2 để N2 chuyển khoản cho lái xe số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), sau khi đã trừ tiền xe 2.000.000đ (hai triệu đồng) thì lái xe đưa lại cho P số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đến khoảng 01 hoặc 02 giờ sáng ngày hôm sau thì P đến địa điểm như N2 đã hẹn và gọi điện thoại cho N2 đến đón, một lúc sau N2 đi xe ô tô đến đón P và đưa P về quán karaoke “T11” thuộc thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, P gặp một người đàn ông tên là L8 (không biết họ, tên đệm, địa chỉ) là quản lý của quán karaoke “Tokyo”, L8 hỏi P một số nội dung, trong đó có nội dung về ngày tháng năm sinh thì P trả lời sinh ngày 26/02/2010, L8 nói lương của P là 150.000 đồng/1 giờ phục vụ, công việc chính là phục vụ phòng hát, dọn dẹp, chọn bài, rót bia, rượu và uống bia, rượu, hát cùng khách. Sau đó, L8 sắp xếp cho P ở một nhà trọ gần quán, làm việc tại đây được khoảng 01 tuần thì do quán ít khách, nên P tự lên mạng xã hội facebook để tìm chỗ làm khác, thì thấy có tài khoản facebook đăng trong nhóm tuyển nhân viên karaoke nội dung cần tuyển nhân viên phục vụ phòng hát ở tỉnh Hưng Yên, P không nhớ địa chỉ cụ thể và không nhớ tài khoản facebook của người này, P nhắn tin qua ứng dụng messenger với tài khoản trên thì người này giới thiệu tên là C7, đang làm chủ quán ở tỉnh Hưng Yên và cần tuyển nhân viên phục vụ, sau đó P nói cho người đàn ông này biết về việc P còn nợ L8 ở quán “Tokyo” số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), P đề nghị C7 đến đón và trả nợ cho P và P về làm nhân viên cho thì C7 đồng ý rồi xin số điện thoại và facebook của L8. C7 nói với P là sẽ nhờ bạn đến quán trả nợ và gọi xe cho P đi về tỉnh Hưng Yên. Cùng ngày, P thấy có một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) đến quán gặp và trả cho L8 số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Sau đó, người đàn ông này gọi xe taxi cho P để đi đến chỗ của C7, khi đến nơi thì P chỉ nhớ địa điểm của C7 ở một khu chung cư

thuộc tỉnh Hưng Yên. [C7](#) ra đón [P](#) và đưa vào một căn hộ chung cư, ở đó đã có hai nhân viên nữ khác nhưng [P](#) không nhớ tên tuổi, địa chỉ. [P](#) làm việc cho [C7](#) được khoảng một tuần, công việc là chạy xô phục vụ các quán hát (rót bia, chọn bài, hát cùng khách, bay lắc cùng khách nếu khách có yêu cầu), [C7](#) và một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) chịu trách nhiệm đưa đón nhân viên, quá trình làm chưa thoả thuận về lương. Tuy nhiên, do không muốn sử dụng ma túy nên [P](#) tiếp tục lên mạng xã hội facebook để tìm chỗ khác làm và thấy nick facebook “Nhím con” đăng thông tin tuyển nhân viên ở tỉnh Phú Thọ nên [P](#) đã kết bạn rồi nhắn tin qua messenger cho tài khoản “Nhím con” để hỏi về công việc, thì được thông báo là công việc chính chỉ có rót bia, chọn bài, hát và uống rượu bia cùng khách, không phải bán dâm. Sau đó, [P](#) hỏi “Nhím con” là hiện nay [P](#) còn nợ chủ cũ số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì có được đón không thì “Nhím con” trả lời: Có đón và xin facebook của [C7](#) để liên hệ, “Nhím con” nói sẽ có lái xe đến đón [P](#). Cùng ngày, “Nhím con” nhắn số điện thoại của lái xe cho [P](#), khi người lái xe đến nơi thì [C7](#) đưa [P](#) xuống gặp lái xe. Tại đây, người lái xe đưa cho [C7](#) số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), sau đó [P](#) lên xe đi cùng người lái xe đến chỗ của “Nhím con”. Người lái xe đưa [P](#) đến một quán tẩm quất (quán không có tên), [P](#) không biết quán trên thuộc địa điểm nào của tỉnh Phú Thọ, [P](#) xuống xe vào quán ngồi một lúc thì “Nhím con” dẫn [P](#) và lái xe đến một nhà trọ cách đó khoảng 3km, “Nhím con” nói đó là chỗ ở của nhân viên, tại đó [P](#) thấy có nhiều nhân viên nữ khác, sau khi cất đồ dùng cá nhân thì “Nhím con” chở [P](#) và một nhân viên nữ bằng xe mô tô đến quán internet của [Triệu Thị H8](#), [P](#) vào gặp [Triệu Thị H8](#) (làm quản lý quán karaoke “Dốc Tre”) nhưng [P](#) không biết quán “Dốc Tre” thuộc địa danh nào của tỉnh Phú Thọ. [P](#) ở quán internet một lúc thì “Nhím con” đưa [P](#) về nhà trọ. Khi về đến nhà trọ thì “Nhím con” nói chuyện với [P](#) về tiền lương nếu làm quán hát thì là 150.000 đồng/tiếng, công việc là làm phục vụ phòng hát. Lúc đó, có một người đàn ông tên [C7](#) làm quản lý nhân viên cho [H8](#) nói với [P](#) “ở đây là phải đi khách (bán dâm), nhanh thì thu 400.000đ/1 lượt; qua đêm thì thu 1.500.000đ/ 1 đêm, lương một tháng 5.000.000đ đến 6.000.000đ”, tiền này sẽ do người của [C7](#) thu, sau khi nghe xong thì [P](#) không nói gì. Tối cùng ngày, [C7](#) nói với [P](#) có khách mua dâm nên bảo một người đàn ông tên [Đ3](#) chở [P](#) đi bán dâm cho khách tại quán tẩm quất của “Nhím con”. Từ đó, hàng ngày [P](#) phải đi bán dâm hoặc phải đi tiếp khách ở phòng hát, ngày nhiều nhất phải bán dâm 02 lần. Làm tại quán “Dốc Tre” được khoảng 01 tuần thì [P](#) nói với [H8](#) “muốn mẹ xuống đón” nhưng [H8](#) không cho và thu luôn điện thoại di động của [P](#). Sau đó, [P](#) nói với [Triệu Thị H8](#) là [P](#) không muốn làm việc ở chỗ [H8](#) nữa do không muốn đi bán dâm, nên [H8](#) nói sẽ liên hệ người khác đến đón [P](#). Buổi tối cùng ngày, [P](#) thấy có hai người đàn ông lạ mặt đi đến quán [I](#) gặp [H8](#) và [P](#). Một trong hai người đó hỏi [H8](#) là “em nào?” thì [H8](#) chỉ tay vào [P](#) và nói “đây”, một người đàn ông hỏi “em này nợ bao nhiêu”, [H8](#) trả lời “nợ hai mươi hai triệu”, tiếp đó người này hỏi số tài khoản của [H8](#) rồi lấy điện thoại di động ra chuyển khoản trả tiền cho [H8](#), khi chuyển khoản thành công người đàn ông này đã giơ màn hình điện thoại cho [H8](#) xem số tiền đã chuyển, [P](#) nhìn nhưng không rõ số tiền người đàn ông này chuyển

cho H8 là bao nhiêu. Sau đó, người này bảo P chuẩn bị đồ đạc cá nhân để đi theo họ nên P về phòng lấy đồ cá nhân rồi theo hai người này lên một xe ô tô màu trắng (P không biết nhãn hiệu, biển kiểm soát xe). Sau khi lên xe, P hỏi tên của hai người đàn ông thì được biết một người tên là H2, một người tên là Đ4 nhưng không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của những người này. Khoảng 02 hoặc 03 giờ sáng thì xe ô tô đi đến quán karaoke “368” ở huyện Đ, Hà Nội, P được đưa vào quán và được biết H2 là chủ quán, H2 giao việc cho P là dọn dẹp phòng hát, rót bia, chọn bài cho khách, lương là 250.000 đồng/giờ. Ngoài ra, P còn gặp một người đàn ông là quản lý quán nhưng không nhớ tên. Người quản lý dẫn P lên tầng 3 của quán và cho P ở tại đây cùng 18 nhân viên nữ khác. P làm việc tại đây khoảng 01 tuần thì thấy công việc không thoải mái, trong phòng có lắp camera giám sát nên muốn chuyển chỗ làm. P đã đăng bài tìm việc trên mạng xã hội facebook vào nhóm “Tuyển nhân viên quán hát” thì có người tên là H9 tài khoản facebook là “H9 bát” vào bình luận và nhắn tin với P rồi rủ P về làm việc tại tỉnh Bắc Giang, nhưng chưa nói nội dung công việc cụ thể. Đến buổi tối cùng ngày (P không nhớ cụ thể ngày nào) P thấy H9 và một người đàn ông khác (sau này P mới biết tên là Phan Văn N) đi xe ô tô đến quán karaoke “368”, khi H9 và N vào quán thì gặp và nói chuyện với H2, P cũng có mặt ở đó, H9 hỏi ngày tháng năm sinh của P thì P vẫn nói thật ngày tháng năm sinh của mình là “26/02/2010”, N hỏi H2 về số tiền nợ của P thì H2 trả lời là P còn nợ Hoàng 17.800.000đ (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó, P thấy N lấy tiền ra đếm đủ 17.800.000đ (mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) đưa cho P để P đưa cho H2 trả số tiền đã nợ, rồi P đi theo H9 và N lên xe ô tô về thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm việc tại quán cafe do N quản lý. Tại quán do N quản lý thì vào ngày 27/02/2023 P được phân công bán dâm cho khách 01 lần, sau khi bán dâm xong P thu của khách số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), sau đó P đưa cho N và được N chia lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhưng P không biết họ tên, địa chỉ và đặc điểm của khách mua dâm. Đối với các nội dung Lò Thị Ánh P đã trình bày trên, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã tiến hành xác minh, kết quả như sau:

- Đối với quán karaoke “Tokyo” và 02 người đàn ông tên N2 và L8: xác minh tại Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xác định trên địa bàn thành phố V không có quán karaoke “Tokyo”. Đến nay, ngoài lời khai đã trình bày thì Lò Thị Ánh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có liên quan đến 02 người đàn ông có tên là N2 và L8. Do đó, Cơ quan CSĐT không có căn cứ xem xét, xử lý đối với nội dung này là phù hợp.

- Đối với Đinh Quốc H2, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, H2 không thừa nhận đã được nhận số tiền 17.800.000đ (mười bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) như lời khai của Lò Thị Ánh P. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Phan Văn N và H2 đối chất, kết quả: N và H2 không nhận ra nhau và khẳng định chưa gặp nhau lần nào. Tiến hành đối chất giữa H2 và P, kết quả: Cả H2 và P đều giữ nguyên lời khai của mình. Hiện nay, ngoài lời khai của P, Cơ quan điều tra không thu thập thêm được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh

lời khai của P là khách quan, chính xác. Do đó, không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với là có căn cứ.

- Đối với Triệu Thị H3, sinh năm 1987 trú tại khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, H3 trình bày: khoảng đầu năm 2023 (không nhớ cụ thể ngày tháng), H3 có đăng bài tuyển nhân viên karaoke trên mạng xã hội facebook bằng tài khoản “Hien Trieu”, kèm bài đăng là địa chỉ của H3. Sau đó, có tài khoản facebook “Nhím con” bình luận vào bài viết muốn xin việc làm. Đến buổi tối cùng ngày thì có hai người phụ nữ đến nhà H3, H3 nhận ra một người là người sử dụng tài khoản facebook “Nhím con”, còn một người là Lò Thị Ánh P. “Nhím con” và P muốn xin làm nhân viên nhưng do vắng khách nên H3 không nhận, sau đó “Nhím con” có xin cho hai người ở nhờ nhà một vài ngày nên H3 đồng ý. H3 cho “Nhím con” và P ở cùng nhân viên của H3 ở nhà bố mẹ chồng của H3. Được khoảng mấy ngày thì người sử dụng facebook “Nhím con” và P lên nhà H3 chào cảm ơn rồi đi đâu thì H3 không biết.

- Đối với nội dung Lò Thị Ánh P trình bày khi đến quán của H3 thì H2 có chuyển cho H3 một số tiền qua tài khoản là tiền mà P nợ H3, Đinh Quốc H2 và Triệu Thị H3 đều không thừa nhận có nội dung trên. Cơ quan CSĐT đã tiến hành sao kê kiểm tra tài khoản số 2336568888 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Q2 của H3 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/02/2023, kết quả xác định tài khoản trên của H3 mới mở từ ngày 08/3/2023; kiểm tra sao kê tài khoản của H2 không phát hiện có nội dung giao dịch chuyển tiền giữa H2 với tài khoản có tên Triệu Thị H3. Ngoài ra, H2 khẳng định P tự liên hệ để H2 đến đón chứ không có ai khác liên hệ với H2, cả H2 và H3 đều trình bày chưa gặp nhau bao giờ. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với Triệu Thị H3 và Đinh Quốc H2 về nội dung chuyển giao và tiếp nhận Lò Thị Ánh P là có căn cứ.

- Cơ quan CSĐT đã phối hợp Công an xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên tiến hành cho bị hại Lò Thị Ánh P xác định vị trí toà nhà chung cư mà P trình bày đã ở khi làm việc cho người đàn ông tên C7 ở khu đô thị E. Tuy nhiên, P không xác định được địa điểm của toà chung cư đó. Ngoài tên của người đàn ông là C7, thì P không biết được thông tin gì khác và không nhớ đặc điểm nhận dạng của C7, nên Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ đối với người đàn ông tên C7 nêu trên là đúng.

- Đối với người phụ nữ sử dụng tài khoản facebook “Nhím con”, do P không biết tên, tuổi và địa chỉ chính xác, không nhớ đặc điểm nhận dạng của người phụ nữ này nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh không đủ căn cứ để xác minh đối với người phụ nữ này.

- Đối với nội dung Lò Thị Ánh P trình bày bị bắt phải hoạt động bán dâm cho khách tại tỉnh Phú Thọ và tại phòng ở trong quán café của Phan Văn N: Hiện nay, ngoài lời trình bày của P thì Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh có nội dung sự việc trên, nên không có căn cứ để xem xét, xử lý là phù hợp.

10.6 Về nội dung bị hại [Bùi Thị Cẩm A](#) trình bày: Sau tết nguyên đán 2023, trong lúc sử dụng mạng xã hội facebook (thời điểm đó [Cẩm A](#) sử dụng tài khoản facebook là “[Bui Thi M1](#)”, về sau này thì [Cẩm A](#) mới đổi tên tài khoản facebook là “[Thảo My](#)”) thì [Cẩm A](#) phát hiện tài khoản facebook “[Tuyền Chỉ Cần](#)” có hình ảnh đại diện là nam giới đẹp trai, nên [Cẩm A](#) đã gửi lời mời kết bạn để làm quen thì được người này đồng ý kết bạn. Sau khi kết bạn, thì [Cẩm A](#) nhắn tin trò chuyện với người này khoảng hai đến ba ngày, giới thiệu tên là [Bùi Thị Cẩm A](#), sinh năm 2009 thì người này giới thiệu tên là [T12](#). Sau đó, [Cẩm A](#) thấy tài khoản facebook của [T12](#) đăng tin tuyển nhân viên quán karaoke ở tỉnh Hải Dương, nên [Cẩm A](#) liên hệ với [T12](#) để xin làm nhân viên, thì [T12](#) nói [Cẩm A](#) còn nhỏ tuổi quá nên [T12](#) phải hỏi ý kiến của chủ quán rồi mới trả lời [Cẩm A](#) được. Đến buổi chiều cùng ngày, thì [T12](#) nhắn tin cho [Cẩm A](#) nói đã hỏi ý kiến chủ tên [V1](#) và được bà [V1](#) đồng ý nhận [Cẩm A](#) vào làm. Sau đó, [T12](#) bảo [Cẩm A](#) đi xe ô tô từ chỗ ở của [Cẩm A](#) về tỉnh Hải Dương thì [T12](#) sẽ đón [Cẩm A](#). Tuy nhiên, lúc đó [T12](#) chưa nói với [Cẩm A](#) về địa chỉ cụ thể của quán. Ngay sau đó, [Cẩm A](#) chuẩn bị đồ và gọi xe taxi đón từ nhà riêng ở [thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đi tỉnh Hải Dương](#). [Cẩm A](#) thông báo cho [T12](#) biết là [Cẩm A](#) đã đón xe đi, thì [T12](#) nói xe của [T12](#) đang từ tỉnh Lào Cai về tỉnh Hải Dương, khi nào [Cẩm A](#) đến Hải Dương thì xe của [T12](#) sẽ đón [Cẩm A](#) về quán. Khi xe taxi chở [Cẩm A](#) vừa đi ra khỏi đường cao tốc đến địa phận tỉnh Hải Dương thì [Cẩm A](#) được [T12](#) đón bằng xe ô tô loại 16 chỗ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, [Cẩm A](#) được đưa về quán của bà [V1](#) ở [chợ V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương](#) (quán không có tên), [Cẩm A](#) được sắp xếp ăn ở tại quán với khoảng mười nhân viên nữ khác. Khi làm việc ở đây, thì [Cẩm A](#) có giới thiệu với bà [V1](#) tên là [Bùi Thị Cẩm A](#), sinh ngày 24/7/2009 nhưng bà [V1](#) nói ở đó đã có một nhân viên tên là [Cẩm A](#) nên bảo [Cẩm A](#) lấy tên khác cho khỏi nhầm và dặn [Cẩm A](#), nếu khách hỏi thì phải nói sinh năm 2005. Sau đó bà [V1](#) bảo [Cẩm A](#) lấy tên là [Phạm Thảo M2](#). Từ đó, khi đi làm thì [Cẩm A](#) sử dụng tên “[Phạm Thảo M2](#)”. [Cẩm A](#) làm việc cho bà [V1](#) và [T12](#) được khoảng nửa tháng, công việc chính là rót bia, chọn bài và hát cùng với khách với thỏa thuận lương là 120.000 đồng/giờ, nhận lương vào ngày mùng 10 hàng tháng. Quá trình làm việc ở đây, do mâu thuẫn với những nhân viên nữ khác nên [Cẩm A](#) nảy sinh ý định tìm quán khác để làm việc, [Cẩm A](#) đã nhắn tin qua ứng dụng messenger cho [L6](#) ([Cẩm A](#) không rõ họ tên đầy đủ, chỉ biết là đã kết bạn facebook và nhắn tin nói chuyện với [L6](#) từ trước) để nhờ [L6](#) tìm chỗ làm khác. Sau đó [L6](#) trả lời đã liên hệ giới thiệu [Cẩm A](#) cho một người tên là [H](#) là quản lý nhân viên phục vụ phòng hát hiện đang ở [phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên](#) và gửi hình ảnh facebook của [H](#) cho [Cẩm A](#) để tự liên lạc (tài khoản facebook của [H](#) là “[Quang Hải](#)”), sau đó [Cẩm A](#) được [H](#) đón về làm nhân viên cho [H](#). [Cẩm A](#) làm việc cho [H](#) được 01 tuần, thì được một người thanh niên tên [C4](#) ([Cẩm A](#) không rõ họ tên đầy đủ và chưa từng gặp mặt [C4](#), [C4](#) là người yêu của [Cẩm A](#) qua mạng facebook) rủ [Cẩm A](#) về Bắc Kạn làm nhân viên với Chiêm, [C4](#) giới thiệu đang làm việc cho [Vi Văn S](#). Sau đó, [C4](#) gửi số điện thoại của [Cẩm A](#) cho [S](#) để [S](#) liên lạc với [Cẩm A](#), sau đó đến ngày 02/3/2023 thì [S](#) đến gặp [H](#) để trao đổi và đón [Cẩm A](#) về Bắc

Kạn làm nhân viên cho [S](#). Đối với nội dung trên, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, kết quả xác định:

- Xác minh tại [Công an xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương](#), kết quả: Không đủ căn cứ để xác minh làm rõ thông tin về người có tên [T12](#) và [V1](#) trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tại [xã Đ](#), không có trường hợp tên [T12](#) và [V1](#) làm chủ cơ sở kinh doanh karaoke trên địa bàn. Hiện nay, ngoài lời khai của [Bùi Thị Cẩm A](#) thì Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh người đàn ông tên [T12](#) và [V1](#) nên không có căn cứ xem xét, xử lý là có căn cứ.

- Xác minh tại [Công an xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#) về người có tên là [Nguyễn Quốc L9](#), kết quả: tại địa phương có người tên [Nguyễn Quốc L9](#), sinh năm 2002, trú tại [xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#). Tuy nhiên, [L9](#) không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với [L9](#), nhưng đến nay chưa có thông tin của đối tượng. Đối với nội dung có liên quan đến đối tượng Lập, Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh, làm rõ và xem xét đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp

- Đối với người đàn ông tên là [C4](#) là người đã giới thiệu [Bùi Thị Cẩm A](#) cho [Vi Văn S](#): Do [Cẩm A](#) và [Vi Văn S](#) đều không biết và không cung cấp được thông tin, lý lịch cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành xác minh, làm rõ là đúng quy định của pháp luật.

10.7 Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT, các nhân viên nữ của [Vi Văn S](#) trình bày: ông [Nguyễn Văn H](#), sinh năm 1979, trú tại [thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội](#) (là bố dượng của [Vi Văn S](#)) mới chính là người điều hành toàn bộ hoạt động của các quán karaoke trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và giao cho [Vi Văn S](#) quản lý, đứng tên kinh doanh. Các nhân viên này khi đến xin làm nhân viên đều được ông [H](#) quán triệt nội dung công việc, đồng thời các vấn đề liên quan đến tiền tạm ứng của nhân viên đều phải được sự đồng ý của ông [H](#), do ông [H](#) hoặc bà [Nguyễn Thị K](#) (mẹ đẻ của bị can [Vi Văn S](#)), sinh năm 1976, trú tại [tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng](#), tạm trú tại [tổ C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) trực tiếp đưa tiền. Bà [Hoàng Thị Hải Y](#), sinh năm 1999, HKTT: [tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng](#); tạm trú [tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#), chỗ ở hiện nay [tổ C, phường P, thành phố B](#) (vợ của bị can [Vi Văn S](#)) là người quản lý nhóm messenger “*Quần áo, mỹ phẩm*”. Khi các nhân viên nữ đến làm việc tại quán karaoke 1999 và [B](#) club có nhu cầu mua quần áo, mỹ phẩm đều phải đăng ký mua trong nhóm messenger này và không được mua đồ ở ngoài, nếu mua trên mạng khi đồ ship về sẽ bị [Y](#) hoặc các nhân viên nam tịch thu. Trong quá trình làm việc tại [quán C8](#) 1999 và [quán C8](#) thì các nhân viên nữ bị hạn chế việc đi lại, không được phép đi ra ngoài và chỉ được phép mua đồ ăn với bà [Ngô Thị T7](#), sinh năm 1986, trú tại [thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội](#), tạm trú tại [tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn](#) ([T7](#) là vợ [Nguyễn Đình T13](#) - em trai của [Nguyễn Văn H](#)). Cơ quan điều tra đã tiến hành mời [Nguyễn Văn H](#), [Nguyễn Thị K](#),

[Hoàng Thị Hải Y](#), [Ngô Thị T7](#) làm việc. Kết quả: [H](#), [K](#), [Y](#) và [T7](#) đều không thừa nhận các nội dung như các nhân viên nữ đã trình bày và khẳng định không liên quan đến các hoạt động kinh doanh của [quán C8](#) karaoke 1999 và [Ba Bể C5](#). [Y](#) thừa nhận được bán hoặc mua hộ quần áo, mỹ phẩm cho các nhân viên nữ khi được những nhân viên này nhờ và không có việc các nhân viên nữ không được mua đồ ở ngoài và bị tịch thu như lời của các nhân viên nữ trình bày. Đến nay, ngoài lời khai của các nhân viên nữ, Cơ quan điều tra không thu được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự việc như lời trình bày của các nhân viên nữ trên; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh [H](#), [K](#), [Y](#) và [T7](#) có liên quan đến hành vi phạm tội của [Vi Văn S](#). Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý là có căn cứ.

10.8 Ngoài các bị hại [Lò Thị Ánh P](#), [Bùi Thị Cẩm A](#) và [Vân Thị D1](#), Cơ quan CSĐT đã triệu tập, làm việc với 21 nhân viên nữ của [Vi Văn S](#) làm việc tại các [quán C8](#) karaoke 1999 và Ba Bể club. Các nhân viên nữ trên đều có hợp đồng lao động viết tay với [S](#), một số nhân viên có vay nợ với [S](#). Quá trình làm việc, một số nhân viên trình bày bản thân được trực tiếp liên hệ với [S](#) và tự nguyện đến làm việc tại các cơ sở kinh doanh karaoke của [S](#), một số nhân viên được [S](#) tiếp nhận từ những quán karaoke khác. Đối với số nhân viên được [S](#) tiếp nhận đều đã đủ 18 tuổi và không có dấu hiệu bị lừa dối. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với [S](#) và những người liên quan trong việc tiếp nhận những nhân viên trên. Đối với các nhân viên trên, Cơ quan CSĐT Công an đã ủy thác điều tra cho Cơ quan điều tra Công an các địa phương nơi các nhân viên cư trú để xác minh về nhân thân, lai lịch, tiền án, tiền sự và các nội dung có liên quan. Đến nay, còn một số địa phương chưa phản hồi kết quả ủy thác điều tra của Cơ quan CSĐT. Tuy nhiên, những nội dung trên không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị can. Do vậy, Cơ quan CSĐT sẽ xem xét, đề nghị xử lý nếu có nội dung liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các nhân viên này khi có kết quả thực hiện ủy thác điều tra là đúng quy định của pháp luật.

10.9 Đối với các bị hại và toàn bộ số nhân viên nữ phát hiện tại các cơ sở kinh doanh karaoke của [Vi Văn S](#) khi tiến hành khám xét trong ngày 10/3/2023: Căn cứ các quy định của pháp luật và kế hoạch số: 444/KH-LĐTĐBXH ngày 07/3/2023 của [Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B](#) về thực hiện công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2023. Sau khi làm việc, Cơ quan CSĐT đã phối hợp với [Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh B](#) đưa các công dân nữ trên vào Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn để quản lý, hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu ban đầu và bố trí nơi ăn ở, sinh hoạt cho các công dân nữ trên trong thời gian xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó, Cơ quan điều tra đã phối hợp Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn bàn giao toàn bộ các bị hại và công dân nữ trên cho gia đình tiếp nhận, quản lý.

10.10 Đối với phương tiện 02 xe ô tô tạm giữ của [Vi Văn S](#) gồm 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLC300, màu trắng, BKS 30H-890.92 và 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu FORD RANGER, màu trắng, BKS 20C-180.40. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ, trong ngày 28/02/2023 [S](#) sử dụng xe ô tô nhãn hiệu

Mercedes GLC300 biển kiểm soát 30H-890.92 đi đón [Lò Thị Ánh P](#) và trong ngày 02/3/2023, [S](#) sử dụng xe ô tô bán tải, nhãn hiệu FORD RANGER biển kiểm soát 20C-180.40 đi đón [Bùi Thị Cẩm A](#). Xe ô tô BKS 30H-890.92, chủ sở hữu hợp pháp là ông [Nguyễn Tiến L10](#), sinh năm 1987, trú tại [thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội](#); xe ô tô BKS 20C-180.40, chủ sở hữu hợp pháp là bà [Phạm Thị P1](#), sinh năm 1980, thường trú tại [xóm P, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên](#); nơi tạm trú [xóm A K, xã K, huyện Đ](#). Căn cứ kết quả xác minh, xác định: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLC300, màu trắng, biển kiểm soát 30H-890.92 được [Nguyễn Tiến L10](#) cho [Nguyễn Đình T13](#), sinh năm 1984, thường trú tại [thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội](#), tạm trú tại [tổ E, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan](#) ([T13](#) là em trai của ông [Nguyễn Văn H](#) – bố dượng của [S](#)) mượn từ khoảng tháng 8/2022. Chiếc xe ô tô bán tải, nhãn hiệu FORD RANGER BKS 20C-180.40 được [Phạm Thị P1](#) cho ông [Nguyễn Văn H](#) (bố dượng của [S](#)) mượn thường xuyên. Quá trình làm việc, ông [L10](#) và bà [P1](#) đều trình bày không biết việc [S](#) sử dụng 02 chiếc xe ô tô trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và đều có đơn đề nghị xin lại tài sản. Do đó, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc xe ô tô trên cho chủ hữu hợp pháp là ông [L10](#) và bà [P1](#) là có căn cứ.

[11] Về án phí: Các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#), [Nguyễn Văn H](#) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo [Lục Văn T2](#) là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí, do đó bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) và [Nguyễn Văn H](#) phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”; Bị cáo [Lục Văn T2](#) phạm tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 151; điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Vi Văn S](#) 04 ([B1](#)) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 10/3/2023 đến ngày 23/10/2023. Cấm bị cáo [S](#) hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) trong thời gian 03 (Ba) năm.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Phan Văn N](#) 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/3/2023. Cấm bị cáo [N](#) hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) trong thời gian 03 (Ba) năm.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Lê Văn Q](#) 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/3/2023. Cấm bị cáo [Q](#) hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) trong thời gian 03 (Ba) năm.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Văn H](#) 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/3/2023. Cấm bị cáo [H](#) hành nghề liên quan đến hoạt động quán Bar, [K1](#) trong thời gian 03 (Ba) năm.

1.5. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Luc Văn T2](#) 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 đến ngày 27/10/2023.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo [Phan Văn N](#) nộp lại sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) do thực hiện hành vi phạm tội mà có.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

3.1 Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án các sổ, sách, vở và tài liệu sau: 01 (một) quyển vở Hải Tiến, mặt trước có chữ GIÁO ÁN, bên trong có 23 (trang) có chữ và số; 01 (một) quyển vở Hải Tiến, mặt trước có chữ GIÁO ÁN, bên trong có 08 (trang) có chữ và số; 01 (một) quyển vở Hải Tiến, mặt trước có chữ GIÁO ÁN, bên trong có 04 (trang), 01 mặt bìa có chữ và số; 01 (một) quyển sổ màu đỏ, có chữ CLASSIC, bên trong có 185 (trang) có chữ và số; 13 (mười ba) quyển sổ các loại, bên trong có nhiều chữ và số viết tay; 01 (một) hợp đồng thuê nhà giữa [Vũ Đại H10](#) và [Trần Quang H11](#) đề ngày 10/02/2023; 03 (ba) quyển vở dòng kẻ Hải Tiến loại 80 trang - MS 2913; 01 (một) quyển sổ ở lề trái bìa có ghi chữ “BUSSINESS KB8-240”; 01 (một) quyển vở dòng kẻ Hải Tiến loại 80 trang - MS 2913 bìa có chữ được viết bằng bút bi mực xanh “Sổ chi tiêu”; 01 (một) quyển vở dòng kẻ Hải Tiến loại 80 trang - MS 2913 bìa có chữ được viết bằng bút bi mực xanh “Sổ ứng”; 01 (một) quyển vở dòng kẻ Hải Tiến loại 80 trang - MS 2913 bìa có chữ được viết bằng bút bi mực xanh “Sổ, Thanh Hoá”; 01 (một) quyển vở dòng kẻ, trên bìa có ghi chữ “Vân 1992”; 01 (một) quyển sổ lề trên góc trái có chữ “Sổ nhật ký 160 trang”; 01 (một) quyển sổ màu xanh trên bìa có chữ “CÔNG AN HUYỆN LẠNG GIANG, CÔNG AN THỊ TRẤN KÉP”; 01 (một) giấy đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề tên người đặt cọc là [Vi Văn S](#), người nhận đặt cọc là [Ngô Xuân T14](#); 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh đen, mặt trước có chữ “Group leader”; 02 (hai) quyển sổ bìa màu trắng có nhiều hình ảnh mặt trước có chữ “K.POP NOTEBOOK”; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng hồng, mặt trước có chữ “Ban Mai”; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng xanh, mặt trước có chữ “Ban Mai”; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh trắng đỏ vàng mặt trước có chữ “SẮC MÀU NEW”; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh mặt trước có chữ “DO MORE OF WHAT MAKES YOU HAPPY”; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng mặt trước có chữ “BUSINESS”; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng trắng mặt trước có chữ “Haplus”; 01 biên bản kiểm tra cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự ngày 27/01/2023 của [Công an](#)

[thành phố B](#) đối với cơ sở kinh doanh Karaoke Club 1999; 01 biên bản kiểm tra cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự ngày 07/3/2023 của [Công an thành phố B](#) đối với cơ sở kinh doanh Karaoke Club 1999.

3.2 Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, cụ thể: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, số IMEI 1: 862173069252510; IMEI 2: 862173069252501, điện thoại gắn hai số thuê bao 0765.014.888 và 0707.520.222 của [Lê Văn Q](#); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu đen, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, mặt khấu điện thoại “070420”, điện thoại lắp sim số 0326.438.280 của [Phan Văn N](#); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím vật lý, màu đen, đã qua sử dụng của [Nguyễn Văn H](#); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro max màu vàng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, số máy MLL83VN/A, số seri YG3XXW42T3 của [Vi Văn S](#).

3.3 Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng, cụ thể: 01 (một) bộ gồm 02 con dao chuôi màu đen bằng kim loại, lưỡi dao màu trắng; 01 (một) hộp giấy màu hồng bên trong có 61 túi nilon nhỏ nghi là bao cao su.

3.4 Trả lại cho các bị cáo vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, cụ thể:

- Trả lại bị cáo [Vi Văn S](#) 01 (một) thẻ ngân hàng số 9704050913005653 mang tên VI VAN SAC do [ngân hàng A3](#) phát hành; 01 (một) thẻ ngân hàng số 9704151544753404 mang tên VI VAN SAC do [ngân hàng V2](#) phát hành; 01 (một) ổ lưu trữ của [C6](#) kèm theo màn hình; 01 (một) thẻ visa số 4799 7306 9295 4588 của [ngân hàng L13](#) mang tên “Vi Van Sac”; 01 (một) thẻ đen số 3565 8756 7125 6150 của [ngân hàng L13](#) mang tên “Vi Van Sac”; 01 (một) case máy tính màu đen và một màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Acer đã qua sử dụng thu giữ tại [quán C8](#).

- Trả lại cho bị cáo [Lê Văn Q](#) 01 (một) căn cước công dân số 020092009178 mang tên [Lê Văn Q](#); 01 (một) giấy phép lái xe số 240167005261 mang tên [Lê Văn Q](#) do [Sở G1](#) cấp ngày 08/4/2016; 01 (một) thẻ [ngân hàng A3](#) số 9704053033828806, tên chủ thẻ LE VAN QUYEN; 01 (một) thẻ [ngân hàng M3](#) số 4726740000840013, tên chủ thẻ LE VAN QUYEN.

- Trả lại cho chị [Cao Thi A1](#) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, lắp sim số 0369.284.987.

- Trả lại cho bị cáo [Nguyễn Văn H](#) 01 (một) căn cước công dân số 019202009570 mang tên [Nguyễn Văn H](#) do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 11/8/2021.

- Trả lại cho bị cáo [Lục Văn T2](#) 01 (một) căn cước công dân số 004097006389 mang tên [Lục Văn T2](#) do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày

24/6/2021; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro max màu xám, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, lắp sim số 0394321264 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đen hồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, điện thoại không lắp sim.

- Trả lại anh [Hoàng Văn Đ2](#) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro max màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim số 0348.096.095.

3.5 Đối với số tiền 23.600.000 đồng, xử lý cụ thể như sau:

- Trả lại bị cáo [Lục Văn T2](#) số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); trả lại chị [Cao Thị A1](#) số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) của bị cáo [Nguyễn Văn H](#) và số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) của bị cáo [Phan Văn N](#).

3.6 Tạm giữ số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) do chị [Hoàng Thị Hải Y](#) nộp thay cho [Vi Văn S](#) theo biên lai số 0000225, ngày 20/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để bồi thường cho bị hại [Lò Thị Ánh P](#).

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 592 Bộ luật dân sự.

Bị cáo [Vi Văn S](#) phải bồi thường cho bị hại [Lò Thị Ánh P](#) số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo thỏa thuận.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo [Vi Văn S](#), [Phan Văn N](#), [Lê Văn Q](#) và [Nguyễn Văn H](#) mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo [Lục Văn T2](#) được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án sao hoặc ngày niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương